

CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÊN RIÊNG

PHẠM TẮT THẮNG*

Abstract: Compared to common names, proper names have received less attention in Vietnamese linguistic studies so far. Nowadays, the position of proper names is significantly changed in lexicology. The proper name is the unit valued on par with a word. Thus, in this article, we discuss the Vietnamese proper name's research methods as an individual and independent research object.

Key words: *Proper nouns, proper names, common name, word- formation, lexicology.*

1. Dẫn nhập

Xưa nay trong ngôn ngữ học, người ta thường quan tâm nghiên cứu các đơn vị ngôn ngữ như: âm vị, hình vị, từ, cụm từ hay câu. Trong hệ thống từ vựng của ngôn ngữ còn một loại đơn vị khác - đó là tên riêng (*proper names*). Theo quan niệm của ngữ pháp truyền thống, tên riêng thường được xếp cùng loại với danh từ và được gọi là danh từ riêng (*Proper nouns*).

Tuy nhiên, từ năm 2011, chúng tôi chứng minh tên riêng tiếng Việt không cùng loại với từ (word) và chúng trở thành một loại đơn vị từ vựng có giá trị tương đương với từ và cụm từ cố định [9]. Vì thế, tên riêng trở thành đối tượng nghiên cứu khá đặc biệt của từ vựng học.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn bàn đến các phương pháp nghiên cứu tên riêng trong Việt ngữ học.

2.1. Tên riêng là tên gọi cho một đối tượng cá biệt và đơn nhất. Vì thế, chúng khác với từ (còn gọi là Tên chung - common name). Điều đó thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, về cấu tạo các tên riêng không giống với từ, nghĩa là chúng không được tạo ra bằng con đường cấu tạo từ (word - formation) thông thường. Tên riêng có cấu tạo phổ biến là một tổ hợp từ theo những quan hệ ngữ pháp nhất định. Chẳng hạn, tên người (nhân danh) là tên gọi của một người cụ thể nào đó. Người Việt có nhiều loại tên gọi khác nhau. Theo Lê Trung Hoa, người Việt có hàng chục tên gọi khác nhau tùy thuộc vào những giai đoạn phát triển của cuộc đời và sự nghiệp của người đó như: tên tục, tên khai sinh, tên thánh, bút danh, bí danh, mật danh, pháp danh, thụy danh,... [6]. Trong số những tên gọi đó, tên chính (còn gọi là Tên thật, Tên khai sinh) là loại tên quan trọng nhất. Bởi vì, bất kì người nào cũng có tên gọi này. Sau khi sinh ra, mỗi đứa trẻ phải đăng kí tên gọi này vào Giấy chứng sinh, Giấy khai sinh và phải được đăng kí chính thức sổ hộ tịch của chính quyền địa phương. Đây là tên gọi có giá trị về mặt pháp lí và loại tên đặc trưng cho một cộng đồng dân tộc nhất định. Ví dụ, một người Việt có tên chính là *Nguyễn Văn Nam* thì cả tổ hợp tên gọi đầy đủ đó mới tạo thành một tên gọi theo mô hình: [Tên họ - Tên đệm - Tên cá nhân]. Điều đáng chú ý là, mỗi một yếu tố trong tên gọi đó lại có cấu trúc - chức năng riêng và chúng có khả năng tách ra khỏi tổ hợp để hoạt động tương đối độc lập trong giao tiếp. Chính vì thế, chúng tôi đã từng gọi tên chính của người Việt là một *tổ hợp định danh* [8] chứ không bằng cách gọi “tên” hay “tên gọi” như một số học giả đã sử dụng trước đó.

Tương tự với tên người, các loại tên riêng khác cũng được cấu tạo phổ biến bằng một tổ hợp từ. Chẳng hạn, tên đất (địa danh) được tạo thành bởi hai thành tố theo mô hình: [Thành tố chung - Thành tố cá biệt].

Thành tố chung thường do các từ (tên chung) đảm nhiệm và có chức năng gọi tên các loại đối tượng khác nhau như: sông, núi, biển, hồ, thôn, xóm, xã, huyện, tỉnh, thành phố, nước (quốc gia),...

Thành tố cá biệt có nhiệm vụ phân biệt tính cá thể đơn nhất của đối tượng cùng loại. Điều đáng chú ý là, ý nghĩa của Thành tố cá biệt thường không có mối liên hệ gì với khái niệm mà chỉ có giá trị phân

* Trường Đại học Mở Hà Nội.

xuất đối tượng cụ thể và xác định. Ví dụ, *Sông Hồng* là tên gọi cho một con sông cụ thể và duy nhất. Tên gọi này gồm cả hai thành tố có quan hệ chặt chẽ với nhau mới làm thành tên gọi của địa danh này. Tương tự như vậy, các loại tên riêng khác như: tên gọi sách báo; tên cơ quan, tổ chức; tên gọi các hành tinh trong vũ trụ (vũ trụ danh); tên gọi các vị thần linh; tên các cơn bão,... cũng đều có mô hình cấu trúc tương tự như địa danh. Chính vì thế, chúng tôi gọi các tên riêng (trừ tên người) là *Đơn vị định danh đa thành tố* hay là *Ngữ định danh tên riêng*. Ví dụ: *Báo Nhân dân, Tạp chí Ngôn ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Nhà máy Thuốc lá Thăng Long, Tết Nguyên đán, Sao Hỏa, Thánh Gióng, Bão Saomai*,...

Trong các loại tên riêng, chỉ riêng tên tục thường có cấu tạo chỉ gồm một âm tiết (tiếng/chữ) như: *Cu, Cò, Bò, Đĩ, Hĩm, Tở, Tẹt, Dân, Sàng, Chó, Chấy*,... Tên tục là một loại tên người thường dùng để gọi trẻ em trong sinh hoạt nội bộ gia đình. Tên tục là loại tên có nguồn gốc lâu đời gắn liền với đời sống của người Việt cổ. Đây là loại tên có hình thức và ý nghĩa không đẹp, thậm chí rất xấu. Theo quan niệm dân gian, người ta đặt tên xấu cho đứa trẻ để thần chết chê không thèm bắt. Hiện nay, quan niệm có tính chất tín ngưỡng đó tuy không còn, nhưng người Việt vẫn đặt tên tục để biểu thị sự âu yếm. Vì thế, có học giả cho rằng, các Tên tục hiện nay được gọi bằng Tên thân mật (nicknames) [11]. Tên thân mật thường có hình thức đẹp và có ý nghĩa hay hơn tên tục trước đây như: *Gấu, Chuột, Thỏ, Sâu, Sóc, Bống, Sam*,...

Thứ hai, về mặt ý nghĩa, tên riêng cũng có nghĩa giống như từ. Tuy nhiên, nghĩa của tên riêng khác hẳn với nghĩa của từ (*meaning*). Nghĩa của từ thường gắn với khái niệm, còn nghĩa của tên riêng không liên quan gì đến khái niệm nào cả. Nó tương tự loại kí hiệu “dán nhãn” vào cho đối tượng được gọi tên. Chính điều này mà nhiều người cho rằng tên riêng không có nghĩa. Tuy nhiên, một số tên riêng có hình thức đồng âm với tên chung (từ), vì thế chúng tôi gọi ý nghĩa của các tên gọi đó có mối liên hệ gián tiếp hay hàm chỉ (*implied /connotative meaning*) thông qua ý nghĩa từ vựng của từ đồng âm với chúng. Chẳng hạn, *Sông Hồng* là tên gọi chỉ một con sông cụ thể để phân biệt với các con sông khác, nhưng người Việt thường liên tưởng đến màu nước của con sông giống với màu hồng của phù sa vào mùa nước lũ. Tuy nhiên, đối với tên gọi *Sông Hương, Sông Cầu* hay *Sông Đáy* thì ý nghĩa của tên gọi đó lại không có mối liên hệ rõ rệt nào với đối tượng được gọi tên.

Chính vì tên riêng có cấu trúc, chức năng cũng như ý nghĩa có sự khác biệt so với tên chung, vì thế cách tiếp cận chúng trong lĩnh vực nghiên cứu cũng mang tính đặc thù.

2.2. Như đã biết, trong ngôn ngữ học, giới chuyên môn thường nói đến hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu - đó là phương pháp miêu tả và phương pháp so sánh. Điều này đã được tác giả Nguyễn Thiện Giáp viết trong *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ* [3]. Trong công trình này, tác giả đề cập đến hai phương pháp nghiên cứu cơ bản của ngôn ngữ - đó là phương pháp miêu tả và phương pháp so sánh. Khi trình bày về phương pháp miêu tả, tác giả đã phân biệt đơn vị ngôn ngữ và đơn vị phân tích, đồng thời trình bày khá đầy đủ những thủ pháp giải thích bên ngoài (bao gồm thủ pháp xã hội học, thủ pháp trường nghĩa, thủ pháp phân tích ngôn cảnh, thủ pháp phân bố,...) và những thủ pháp giải thích bên trong (bao gồm các thủ pháp phân loại và hệ thống hóa, thủ pháp phân tích thành tố trực tiếp, thủ pháp phân tích vị từ - tham tố, thủ pháp phân tích nghĩa tố, thủ pháp phân tích nguyên từ ngữ nghĩa, thủ pháp phân tích khối tối đa, những thủ pháp logic học, toán học và ngôn ngữ học tâm lí. [3]

Có thể nói, phương pháp miêu tả trong ngôn ngữ học (description method) là một loại phương pháp kết hợp sử dụng nhiều thủ pháp nghiên cứu khác nhau nhằm phát hiện ra bản chất của các hiện tượng ngôn ngữ trong quá trình hình thành và phát triển của nó. Tên riêng cũng là một loại đơn vị ngôn ngữ, vì thế phương pháp miêu tả cũng được sử dụng để nghiên cứu tên riêng như các đơn vị ngôn ngữ khác. Tuy nhiên, tên riêng có nhiều loại tên gọi có cấu trúc - chức năng khác nhau, vì thế tùy thuộc vào đặc điểm từng loại tên riêng mà chúng ta sử dụng những thủ pháp miêu tả nào cho phù hợp với từng đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn, khi miêu tả cấu trúc của tên người Việt, thì thủ pháp đầu tiên là phải tiến hành thống kê phân loại các tên gọi cụ thể (còn gọi là phương pháp định lượng), tiếp đến là phương pháp miêu tả hệ thống cấu trúc, phương pháp mô hình hóa để tìm ra các mô hình cấu trúc khái quát và cấu trúc cụ thể của các loại tên gọi (còn gọi là phương pháp định tính). Riêng đối với việc miêu tả ý nghĩa của tên người,

chúng ta không cần áp dụng phương pháp giải thích bên trong như của các đơn ngôn ngữ khác mà phải dựa vào ý nghĩa của từng tên gọi cụ thể thì mới có thể phát hiện được ý nghĩa của từng tên gọi. Chẳng hạn, đối với tên gọi *Nguyễn Trọng Nghĩa*, người làm công việc nghiên cứu tên riêng không thể dựa vào ý nghĩa từ vựng của cụm từ *Trọng Nghĩa* để suy ra ý nghĩa của tên gọi mà phải tiến hành điều tra điền dã thông qua việc điều tra phỏng vấn trực tiếp đối tượng có tên và đặt tên. Kết quả điều tra đó có thể cho biết, đối với người này *Trọng Nghĩa* là tên kép và có ý nghĩa hàm chỉ về sự coi trọng danh dự và phẩm giá của người có tên, nhưng ở người khác, *Trọng Nghĩa* lại trùng với tên gọi của một người khác mà người đó có mối quan hệ đặc biệt nào đó đối với người đặt tên và có tên.

Việc miêu tả ý nghĩa của các địa danh cũng diễn ra tương tự như đối với tên người. Chẳng hạn, đối với tên gọi *Sông Mã*, theo nhóm tác giả cuốn *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, từ *Ma* trong tên gọi *Nậm Ma* đồng nghĩa với từ *mạ* trong tiếng Việt cổ và còn được lưu lại trong phương ngữ miền Trung có nghĩa là “mẹ”. Như vậy, tên gọi *Sông Mã* đồng nghĩa với sông Mẹ, sông lớn. Có thể, đây là ý nghĩa gốc, ý nghĩa từ nguyên của tên gọi *Sông Mã* [1]. Tuy nhiên, trong dân gian, cũng có người dựa vào ý nghĩa Hán - Việt của từ *mã* là “ngựa” mà cho rằng, *Sông Mã* là con sông chảy rất mạnh và nhanh như bước chạy của ngựa. Thật ra, ý nghĩa này xuất phát từ cách giải thích của Từ nguyên học dân gian có thể không chính xác như ý nghĩa vốn có của tên gọi nhưng dù sao đó cũng là một cách hiểu về ý nghĩa của tên riêng.

Việc tìm hiểu ý nghĩa của tên riêng nói chung và của địa danh nói riêng không chỉ đơn thuần chỉ là giải thích ý nghĩa của các đơn vị tên riêng đơn lẻ mà nó có thể được khái quát hóa để tìm hiểu đặc trưng văn hóa của mỗi cộng đồng dân tộc được chứa đựng trong các thành phần tạo thành tên riêng. Chính vì thế, Lê Trung Hoa - một nhà địa danh học tiếng Việt cũng đã từng nhận xét rằng “Địa danh là một phạm trù lịch sử. Nó phản ánh nhiều khía cạnh địa lý, lịch sử, văn hoá tại mảnh đất mà nó chào đời. Từ lâu, nó được xem là những tấm bia lịch sử - văn hoá bằng ngôn ngữ” [5]. Việc chỉ ra được các đặc điểm của mỗi tên riêng chỉ có thể thành công nếu chúng ta biết dựa vào kết quả điều tra xã hội học về mỗi loại tên riêng.

Bên cạnh phương pháp miêu tả, việc nghiên cứu tên riêng cũng cần được so sánh tên riêng của những ngôn ngữ khác nhau. Trong ngôn ngữ học, khuynh hướng nghiên cứu so sánh hình thành khá sớm và phát triển mạnh vào thế kỉ XIX. Ở thời kì đầu, ngôn ngữ học so sánh tiến hành so sánh hai hay nhiều ngôn ngữ có chung nguồn gốc rồi từ đó suy đoán đặc điểm của ngôn ngữ tiền thân để tìm ra các ngữ hệ. Nhiệm vụ nghiên cứu này thuộc về Ngôn ngữ học so sánh - lịch sử (historical contrastive). Một xu hướng nghiên cứu khác của ngôn ngữ học so sánh có nhiệm vụ phân loại các ngôn ngữ trên thế giới dựa vào những điểm giống nhau chủ yếu về cấu trúc ngôn ngữ mà không nhất thiết phải cùng một nguồn gốc để tìm ra các loại hình ngôn ngữ. Nhiệm vụ nghiên cứu này thuộc về Ngôn ngữ học so sánh - loại hình (typological linguistics). Một xu hướng nghiên cứu thứ ba của ngôn ngữ học so sánh lại có nhiệm vụ so sánh hai hay một vài ngôn ngữ để chỉ ra đặc điểm giống và khác nhau về mặt cấu trúc - chức năng cũng như hoạt động của chúng trong giao tiếp để giúp cho quá trình giảng dạy và học ngoại ngữ cũng như tìm hiểu đặc trưng văn hóa giữa các cộng đồng ngôn ngữ. Nhiệm vụ nghiên cứu này thuộc về Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu (contrastive linguistics). Việc nghiên cứu tên riêng cũng có thể được tiến hành so sánh trong các ngôn ngữ khác nhau. Tuy nhiên, việc so sánh các tên riêng trong các ngôn ngữ cũng không hoàn toàn giống với việc so sánh như tên chung. Tên riêng có thể được tiến hành so sánh trên cả bình diện đồng đại và lịch đại. Kết quả so sánh tên riêng trên bình diện lịch đại có thể có ích trong việc phân loại các loại hình tên riêng. Điều quan trọng hơn cả là việc so sánh tên riêng trên bình diện đồng đại chủ yếu phục cho mục đích học tập và giảng dạy ngoại ngữ cũng như tìm hiểu đặc trưng văn hóa của cộng đồng ngôn ngữ thể hiện trong các thành phần của tên gọi. Chẳng hạn, khi so sánh về mặt cấu tạo tên chính của người Việt và người Anh, thì tên của người Việt có cấu tạo theo mô hình [Tên họ - Tên đệm - Tên cá nhân] còn tên của người Anh lại được tổ chức theo mô hình [First name - Middle name - Last name] (First name là Tên cá nhân, Middle name là Tên đệm, Last name là Tên họ). Ví dụ: *Phạm Văn Đồng* (tên người Việt), *Catherine Elizabeth Handson* (tên người Anh). Tên họ của người Việt là tên gọi chung cho một tập hợp người có mối quan hệ huyết thống vì thế nó có số lượng hữu hạn và không có ý nghĩa rõ ràng như:

Nguyễn, Trần, Lê, Phạm, Vũ,... Trong khi đó tên họ của người Anh (surname/family name) là một hệ thống mở và có nhiều ý nghĩa khác nhau như: *Baker* (thợ làm bánh), *Barber* (thợ cạo), *Brewer* (thợ nấu bia), *Carpenter* (thợ mộc), *Shoemaker* (thợ đóng giày), *Weaver* (thợ dệt),...

Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và cũng là sản phẩm đặc biệt của văn hóa dân tộc. Người ta có thể tìm thấy trong các yếu tố tạo thành tên riêng những dấu ấn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và cả những biểu hiện về mặt tâm sinh lý con người đặc trưng cho mỗi cộng đồng dân tộc nhất định. Chẳng hạn, sau khi ra Lệnh kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946, Bác Hồ cùng Trung ương Đảng, Chính phủ rời Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc. Bộ phận đi cùng Bác chỉ có tám người, làm đủ mọi việc từ công tác văn phòng, thư ký đến bảo vệ, liên lạc, hậu cần. Sáng 6/3/1947, Bác gọi tám anh em đến hội ý và căn dặn anh em phải tuyệt đối giữ bí mật trong mọi công việc. Bác nói: *Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta mới bắt đầu và còn lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định sẽ thắng lợi. Từ hôm nay trở đi, để tỏ lòng quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và cũng là để giữ bí mật, Bác đặt tên cho các chú là Trường - Kỳ - Kháng - Chiến - Nhất - Định - Thắng - Lợi* [11].

Việc con người lựa chọn tên riêng này hay khác suy cho cùng cũng đều chịu sự tác động bởi các đơn vị văn hoá - lịch sử mà các cá nhân là thành viên. So với lớp tên chung, tên riêng có khả năng phản ánh nhạy cảm hơn nhiều đối với sự biến động của các yếu tố lịch sử, văn hoá - xã hội. Chính vì thế, việc làm rõ bản chất ngôn ngữ của tên riêng không thể tách chúng ra khỏi các phương pháp tiếp cận của các bộ môn khoa học xã hội khác.

3. Thay lời kết

Tóm lại, trong hệ thống từ vựng của ngôn ngữ, tên riêng là loại đơn vị từ vựng khá đặc biệt. Tính chất đặc biệt đó thể hiện ra trên tất cả các mặt cấu trúc, chức năng, ý nghĩa và hoạt động của chúng trong đời sống giao tiếp của mỗi cộng đồng ngôn ngữ. Điều đáng chú ý là, bên cạnh những thành phần chủ yếu có tính chất ngôn ngữ học, tên riêng còn chứa đựng trong nó những thông tin đủ loại mang tính lịch sử, truyền thống, văn hoá, xã hội và nhiều thứ khác đặc trưng cho mỗi cộng đồng dân tộc nhất định. Chính vì thế, việc nghiên cứu tên riêng cũng có những cách tiếp cận mang tính đặc thù. Bên cạnh các phương pháp nghiên cứu truyền thống trong ngôn ngữ học, tên riêng còn phải được tiếp cận theo phương pháp liên ngành của xã hội học, dân tộc học, văn hóa học, tâm lý học,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2014.
2. Vũ Cao Đàm, *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục, 2003.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, 2009.
4. Harris Z.S., *Các phương pháp của ngôn ngữ học cấu trúc* (Cao Xuân Hạo dịch), Nxb Giáo dục, 2001.
5. Lê Trung Hoa, *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, 1991.
6. Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1992.
7. Sayer A., *Method in Social Science, A Realist Approach*, Routledge, London, 1992 (Second Edition).
8. Phạm Tất Thắng, *Về vị trí của tên riêng trong hệ thống danh từ tiếng Việt*, Từ điển và Bách khoa thư, Số 6, 2011.
9. Phạm Tất Thắng, *Tên riêng là một loại đơn vị từ vựng*, Trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường*, Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học 2016, Nxb Dân trí, 2016.
10. Nguyễn Thị Uyên, *Đặc điểm cấu tạo và phương thức định danh tên thân mật người Việt giai đoạn 1945-1975*, Ngôn ngữ, Số 12, 2021.
11. <http://www.cand.com.vn/vi-VN/phongsu/2008/5/91388.cand>, Ngày truy cập 10/11/2022.